

# THE STATUS OF CRITICAL THINKING SKILLS OF STUDENTS OF HA TINH UNIVERSITY

## THỰC TRẠNG KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

**Trần Nguyên Hòa**  
Trường Đại học Hà Tĩnh

**ABSTRACT:** *Critical thinking skills are one of the important skills that need to be developed and perfected in students during their university studies. This article presents an overview of general theories on critical thinking, showing the results of research on the current state of critical thinking skills of students at Ha Tinh University.*

**Keyword:** *Current situation, critical thinking, students, Ha Tinh University.*

**TÓM TẮT:** *Kỹ năng tư duy phản biện là một trong những kỹ năng quan trọng cần được phát triển và hoàn thiện ở sinh viên trong quá trình học đại học. Bài viết này tập trung bày khái quát những lý luận chung về tư duy phản biện, thể hiện kết quả nghiên cứu về thực trạng kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh.*

**Từ khóa:** *Thực trạng, tư duy phản biện, sinh viên, Trường Đại học Hà Tĩnh.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tư duy phản biện (TDPB) được nhân mạnh là một trong các năng lực tư duy quan trọng cần thiết cho sinh viên (SV) để hình thành và phát triển tư duy độc lập và sáng tạo trong thế kỷ XXI hiện nay. TDPB với những đặc điểm ưu việt, giúp SV học tập một cách chủ động, tích cực hơn và có cảm hứng hơn; sử dụng các kỹ năng sáng tạo, lập luận, phân tích,... nhạy bén và xuất sắc hơn; tiếp thu một lượng kiến thức nhiều hơn, sâu hơn nhưng lại không hề vất vả, căng thẳng. Trường Đại học Hà Tĩnh (ĐHHT) trong những năm qua đã có nhiều đổi mới trong quy trình đào tạo hướng tới phát huy năng lực người học, nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, chất lượng đầu ra chưa thực sự cao, trong đó năng lực, “kỹ năng tư duy phản biện” (KN TDPB) của SV còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt nhu cầu tuyển

dụng của các công ty lớn trong nước và quốc tế. Tình hình trên đặt ra yêu cầu Trường cần phải khảo sát, đánh giá mức độ KN TDPB của SV, từ đó tạo cơ sở cho việc đề ra và thực hiện những giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm phát triển KN TDPB cho SV trong thời gian tới.

### 2. NỘI DUNG

#### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.1.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết:

Được sử dụng để nghiên cứu các tài liệu liên quan đến tư duy phản biện, kỹ năng tư duy phản biện, trong đó đặc biệt là nội hàm và các biểu hiện của TDPB, KN TDPB. Từ đó lấy cơ sở để thiết kế nội dung cho các bảng hỏi.

##### 2.1.2. Phương pháp phỏng vấn sâu:

Thông qua việc trò chuyện với sinh viên theo cá nhân và theo nhóm để phỏng vấn sinh viên các vấn đề: hiểu biết về

TDPB, thói quen TDPB và thái độ trong thể hiện TDPB.

### 2.1.3. Phương pháp sử dụng bảng hỏi:

Thiết kế bảng hỏi và khảo sát bằng công cụ Google Form và sử dụng kết quả xử lý số liệu tự động của Google Form. Đối tượng khảo sát: SV Việt Nam thuộc các khoa: Khoa Sư phạm (28 SV), Khoa Kinh tế - QTKND (25 SV), Khoa Ngoại ngữ (47 SV).

### 2.1.4. Phương pháp tổng hợp, phân loại, phân tích, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa

Trên cơ sở kết quả xử lý số liệu của Google Form, tác giả sử dụng các pháp này để đưa ra các phân tích, đánh giá về thực trạng KN TDPB của SV Trường ĐHHHT rõ ràng hơn, toàn diện hơn.

## 2.2. Một số khái niệm cơ bản

### 2.2.1. Tư duy phản biện

Có rất nhiều định nghĩa, quan niệm về TDPB được nhiều nhà nghiên cứu, nhiều tập thể nhà nghiên cứu đưa ra theo các góc độ tiếp cận khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi lựa chọn định nghĩa được nhóm nghiên cứu trình bày trong *Tài liệu tập huấn về Kỹ năng sống của tổ chức World Vision Việt Nam* bởi theo chúng tôi, định nghĩa đã nêu bật được đầy đủ và tường minh nội hàm của khái niệm “tư duy phản biện”. Định nghĩa được diễn đạt như sau: “*Tư duy phản biện là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. Lập luận phản biện phải rõ ràng, logic, đầy đủ bằng chứng, tỉ mỉ và công tâm*” [4, tr.17].

Để hiểu sâu hơn về khái niệm TDPB với nội hàm như trên, chúng ta cần liên hệ tìm hiểu về ngoại diên của nó - sự biểu hiện TDPB ở nhiều người hay theo một cách tiếp cận khác là những đặc điểm của người có tư duy phản biện.

### \* Những đặc điểm của người có tư duy phản biện

Theo tác giả K. B. Beyer [4], các đặc điểm thiết yếu của người có TDPB đó là: Không có thành kiến; biết vận dụng các tiêu chuẩn; có khả năng tranh luận; có khả năng suy luận; xem xét vấn đề từ nhiều phương diện khác nhau; áp dụng các thủ thuật tư duy.

Một đặc điểm rất quan trọng nữa của người có TDPB là phải có thái độ tích cực và đúng mực trong khi thực hiện TDPB, điều đó tạo nên năng lực TDPB của họ. Đó chính là thái độ trung trực, tôn trọng lập luận, ham tìm tòi, cởi mở, khách quan, công bằng, thận trọng khi đưa ra những nhận định,..., khiêm tốn,... “Thái độ tự tin (self-confidence), mạnh dạn (courage) cũng được cho là cần thiết đối với người thực hiện TDPP vì nhờ đó mà người có TDPP có suy nghĩ độc lập, sẵn sàng nói ra những ý kiến khác biệt, trái ngược với người khác, chấp nhận ý kiến trái ngược với mình, để từ đó sẵn sàng có sự thay đổi, điều chỉnh quan điểm, nhận định cá nhân một cách phù hợp, linh hoạt... Thái độ đồng cảm cũng cần thiết đối với hoạt động tư duy phản biện” [1, tr.59, 60].

### 2.2.2. Kỹ năng tư duy phản biện

Từ việc tìm hiểu nội hàm, ngoại diên của khái niệm TDPB như trên, chúng ta có thể đi đến tiếp cận khái niệm “kỹ năng tư

duy phản biện” thông qua định nghĩa sau: “Kỹ năng tư duy phản biện là khả năng vận dụng kiến thức, kinh nghiệm để xác định, phân tích, suy luận và đánh giá một vấn đề nào đó dựa trên các tiêu chuẩn trí tuệ trước khi đưa ra kết luận hay quyết định nhằm giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra... Những tiêu chuẩn của trí tuệ là: Sự rõ ràng, sự đúng đắn, sự chính xác, tính liên quan, tính lôgic, tính có ý nghĩa, có chiều sâu, chiều rộng và sự công bằng. Người có KN TDPB sẽ áp dụng các tiêu chuẩn trí tuệ đó khi thực hiện các thao tác của kỹ năng, bao gồm: Xác định và phân tích vấn đề, suy luận và đánh giá thông tin liên quan vấn đề, giải quyết vấn đề” [5, tr.89].

Thể hiện KN TDPB trước một vấn đề cụ thể trong một hoàn cảnh cụ thể, chúng ta có thể thực hiện các thao tác TDPB cơ bản sau: “Bước 1: Đặt câu hỏi nghi vấn; Bước 2: Quan sát; Bước 3: Tìm kiếm lý lẽ và lập luận; Bước 4: Nhận thức và lý giải vấn đề; Bước 5: Khẳng định giá trị bản thân; Bước 6: Khẳng định lại” [4].

### 2.3. Kết quả khảo thực trạng KN TDPB của SV Trường ĐH Hà Tĩnh

#### 2.3.1. Thói quen sử dụng TDPB của sinh viên

Để tìm hiểu thói quen sử dụng TDPB của SV Trường ĐH HT trong học tập và nghiên cứu khoa học, chúng tôi sử dụng 3 câu hỏi cùng các phương án lựa chọn để khảo sát 100 sinh viên qua công cụ Google Form.

Đỏi với câu hỏi 1: (Bạn thường không sử dụng các chuẩn giá trị trí tuệ mà từng sử dụng những chuẩn tâm lý “tự lấy mình làm trung tâm” nào sau đây và mức độ sử dụng chúng để xác định những điều đáng tin:

a) Nó đúng vì tôi tin nó (tôi cho rằng những gì tôi tin là đúng, dù tôi chưa bao giờ đặt câu hỏi về cơ sở của niềm tin của mình)

- Đỏi với một vài trường hợp  
 Đỏi với đa số trường hợp

b) Nó đúng vì chúng tôi tin nó (tôi và nhiều người cùng nhóm tin nó)

- Đỏi với một vài trường hợp  
 Đỏi với đa số trường hợp

c) Nó đúng vì tôi muốn tin nó (tôi tin vào những điều khiến tôi cảm thấy tốt)

- Đỏi với một vài trường hợp  
 Đỏi với đa số trường hợp

d) Nó đúng vì tôi luôn luôn tin nó (tôi có khao khát mãnh liệt muốn duy trì niềm tin lâu đã có từ lâu, dù tôi không nghiêm túc xem xét niềm tin ấy có được bằng chứng biện minh)

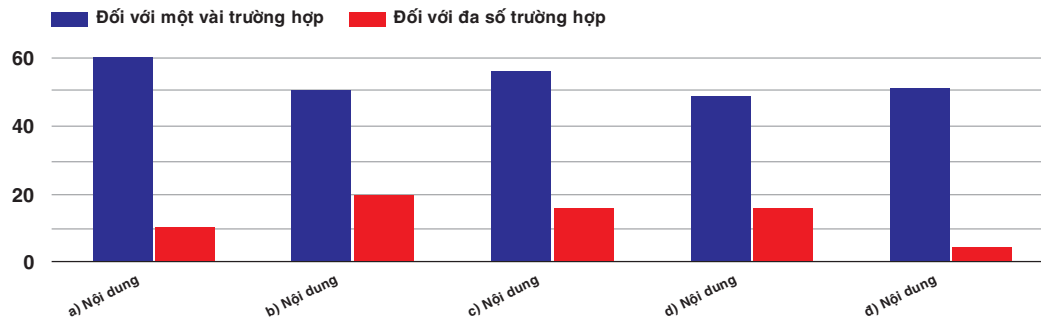
- Đỏi với một vài trường hợp  
 Đỏi với đa số trường hợp

đ) Nó đúng vì tôi tin nó là lợi ích vị kỷ của tôi

- Đỏi với một vài trường hợp  
 Đỏi với đa số trường hợp

Kết quả xử lý số liệu các câu trả lời của sinh viên được khảo sát từ Google Form thể hiện ở biểu đồ dưới đây:

Cứu khoa học 1. Bạn thường từng không sử dụng các chuẩn giá trị trí tuệ mà từng sử dụng những chuẩn tâm lý “tự lấy mình làm trung tâm” nào sau đây và mức độ sử dụng chúng để xác định những điều đáng tin (Có thể chọn hơn 01 phương án trong a), b), c), d), đ) và trong mỗi phương án lựa chọn 1



Theo kết quả khảo sát trong biểu đồ trên, chúng ta thấy hầu hết SV thường xuyên sử dụng những *chuẩn tâm lý* “tự lấy mình làm trung tâm” để xác định những điều đáng tin. Đây là điều sẽ hạn chế khả năng tiếp cận chân lý của SV.

Đối với câu hỏi 2 (*Trong học tập, nghiên cứu, bạn đã từng hoặc thường xuyên sử dụng các kỹ năng tư duy phản biện nào dưới đây*)

Kết quả xử lý số liệu từ Google Form đối với các phương án trả lời cho thấy: có 66,7 % SV được hỏi đã từng hoặc thường xuyên sử dụng một trong những KN TDPB

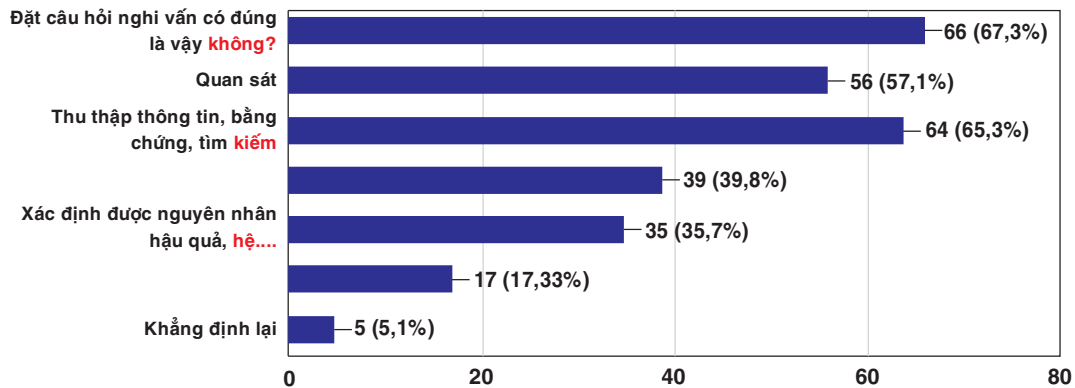
ơ bản là đặt câu hỏi nghi vấn “có đúng là vậy không” hoặc “nếu ngược lại thì sao” trước các vấn đề tiếp cận; chỉ có 57,1 % SV được hỏi cho biết đã sử dụng kỹ năng quan sát; có 65,3 % SV được hỏi thừa nhận sử dụng kỹ năng thu thập thông tin, bằng chứng, tìm kiếm lý lẽ để khảo sát lại vấn đề; tỉ lệ SV được hỏi sử dụng các KN TDPB nhận thức và lý giải, lập luận vấn đề, xác định được nguyên nhân, hậu quả, hệ quả của vấn đề, khẳng định/kiên định giá trị bản thân, khẳng định lại rất thấp (lần lượt là 39,8 %, 35,7 %, 17,3 %, 5,1%).

CÂU HỎI

CÂU TRẢ LỜI 100

2) Trong học tập, nghiên cứu, bạn đã từng hoặc thường xuyên sử dụng các kỹ năng tư duy phản biện nào dưới đây: (Có thể chọn hơn 01 phương án)

98 câu trả lời

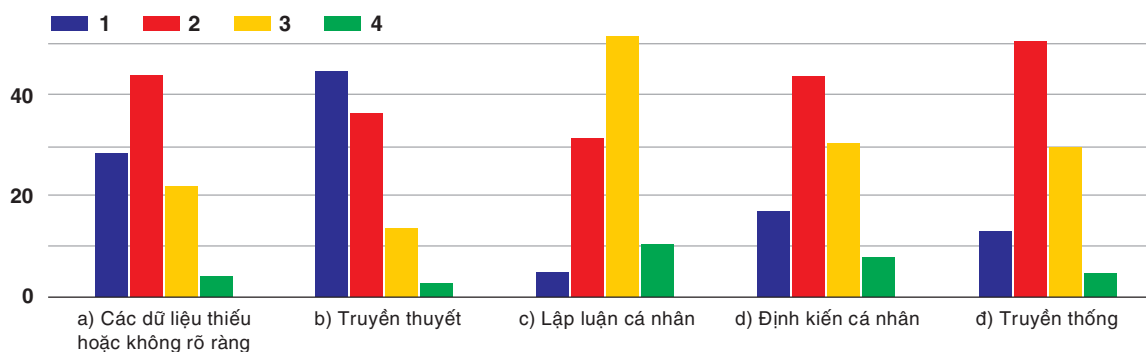


Đối với câu hỏi 3 (Bạn hãy tự đánh giá *tin đến từ...*), kết quả xử lý số liệu các phương án trả lời từ Google Form được thể hiện qua hai biểu đồ dưới đây:

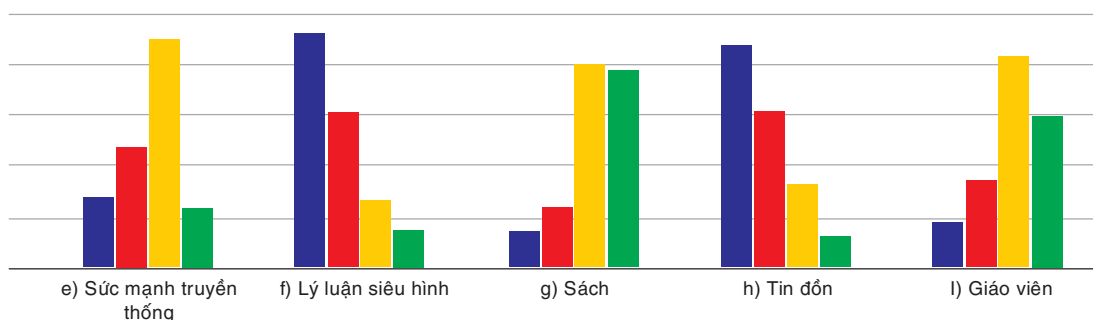
CÂU HỎI

CÂU TRẢ LỜI 100

3) Bạn hãy tự đánh giá (lựa chọn một trong bốn điểm số từ 1-4) về mức độ thể hiện kỹ năng tư duy phản biện của mình khi tiếp nhận các nguồn thông tin đến từ:



3) Bạn hãy tự đánh giá (lựa chọn một trong bốn điểm số từ 1-4) về mức độ thể hiện kỹ năng tư duy phản biện của mình khi tiếp nhận các nguồn thông tin đến từ:



Các biểu đồ cho thấy, SV được hỏi đánh giá mình thể hiện KN TDPB tốt nhất (tỉ lệ chọn cao nhất là ở mức 3, mức 4) khi tiếp nhận các nguồn thông tin đến từ *lập luận cá nhân* (mức độ theo tỉ lệ chọn từ cao đến thấp là 3, 2, 4, 1), *sách* (mức độ theo tỉ lệ chọn cao đến thấp là 3, 4, 2, 1), *giáo viên* (mức độ theo tỉ lệ chọn cao đến thấp là 3, 4, 2, 1); thể hiện KN TDPB ở mức khá (chung tỉ lệ chọn từ cao đến thấp là 2, 3, 1, 4) khi tiếp nhận các nguồn thông tin đến từ *định kiến cá nhân*, *truyền thống*, *sức mạnh truyền thông*; thể hiện KN TDPB ở mức trung bình và yếu khi tiếp nhận các nguồn thông tin đến từ *các dữ liệu thiếu hoặc không rõ ràng* (mức độ theo tỉ lệ chọn từ cao đến thấp là 2, 1, 3, 4), *truyền thuyết* (mức độ theo tỉ lệ chọn từ cao đến thấp là 1, 2, 3, 4), *lý luận siêu hình* (mức độ theo tỉ lệ chọn từ cao đến thấp là 1, 2, 3, 4), *tin đồn* (mức độ theo tỉ lệ chọn từ cao đến thấp là 1,

2, 3, 4).

Chúng ta có thể thấy, khả năng thể hiện KN TDPB của SV còn ở mức trung bình. SV chỉ thể hiện tốt KN TDPB trước các thông tin, các vấn đề đến từ lập luận cá nhân (tức các nội dung và hình thức logic của nó đã được cá nhân thể hiện rõ ràng - dễ đối chiếu, so sánh và phản biện), hoặc các thông tin, vấn đề đến từ *Sách* (được trình bày có hệ thống) và đến từ *Giáo viên* (những người được SV tin cậy). SV chưa có thói quen sử dụng TDPB và chưa có thói quen, ý thức đào sâu suy nghĩ, tìm kiếm chân lý, chưa có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo.

*2.3.2. Thái độ của sinh viên trong thể hiện kỹ năng tư duy phản biện khi tiếp nhận thông tin, kiến thức*

Để tìm hiểu thái độ của SV trong thể hiện TDPB khi tiếp nhận thông tin, kiến thức, qua đó đánh giá TDPB và KN TDPB

của SV, chúng tôi sử dụng hai câu hỏi với các phương án lựa chọn để khảo sát 100 SV thông qua Google Form.

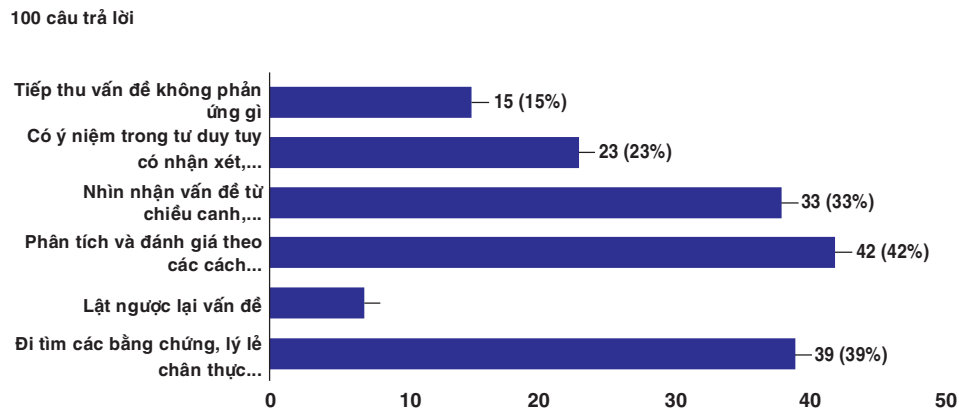
Đối với câu hỏi *Trước một vấn đề mới (kiến thức/quan điểm/tư tưởng/đề án mới),*

*bạn thường phản ứng thế nào (có thể lựa chọn hơn 01 phương án)*

Kết quả xử lý số liệu các phương án trả lời từ Google Form như sau:

CÂU HỎI    CÂU TRẢ LỜI    100

2. Trước một vấn đề mới (kiến thức/quan điểm/tư tưởng/đề án mới), bạn thường phản ứng thế nào (Bạn có thể lựa chọn hơn 01 phương án)

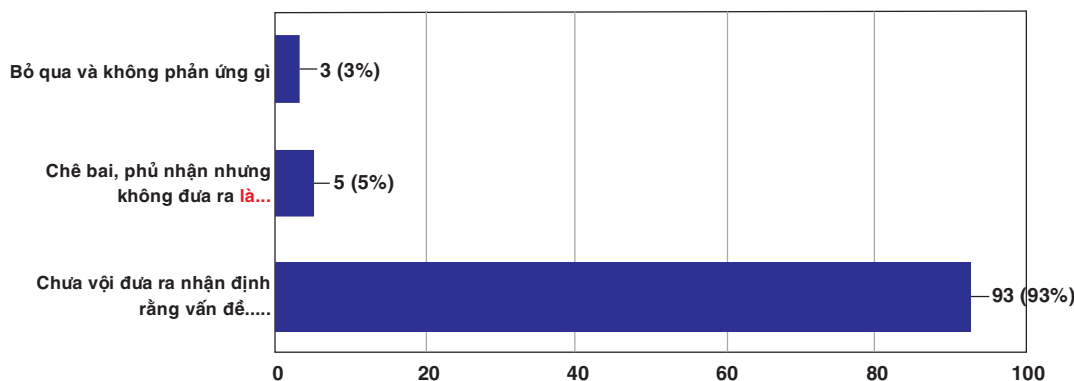


Như vậy, vẫn có nhiều sinh viên (15%) thừa nhận *chỉ tiếp thu vấn đề và không phản ứng gì*; 23% SV thừa nhận *Có ý niệm trong tư duy hay có nhận xét, đánh giá vấn đề là đúng đắn/thuyết phục hoặc vấn đề là sai lầm nhưng không triển khai các bước tư duy để lập luận một cách logic cho quan điểm của mình.*

Đối với câu hỏi *Trong học tập, nghiên cứu, làm việc và trong cuộc sống, khi tiếp nhận một vấn đề được đưa ra từ tài liệu, từ những người khác mà bạn thấy chưa đúng đắn/chưa thuyết phục/chưa đủ độ tin cậy, thì thái độ và hành động của bạn là (có thể lựa chọn hơn 01 phương án).* Kết quả thể hiện ở biểu đồ dưới đây:

3. Trong học tập, nghiên cứu, làm việc và trong cuộc sống, khi tiếp nhận một vấn đề được đưa ra từ tài liệu, từ những người khác mà bạn thấy chưa đúng đắn/chưa thuyết phục/chưa đủ độ tin cậy, thì thái độ và hành động của bạn là: (Có thể lựa chọn hơn 01 phương án)

100 câu trả lời



Như vậy, đa số SV (93 %) lựa chọn phương án trả lời *Chưa vội đưa ra nhận định rằng vấn đề đúng/chưa chính xác/chưa thuyết phục/chưa đủ độ tin cậy mà chủ động triển khai các bước tư duy để lập luận cho nhận định trong tư duy của mình về vấn đề*. Vẫn có một tỉ lệ nhỏ SV (lần lượt là 3% và 5% lựa chọn thừa nhận thái độ và hành động về tình huống này là *Bỏ qua và không phản ứng gì* và *Chê bai, phủ nhận nhưng không đưa ra lập luận với bằng chứng đầy đủ và có tính logic*.

## 2.4. Đánh giá ưu điểm, hạn chế về KN TDPB của SV

### 2.4.1. Ưu điểm về KN TDPB của sinh viên

*Một là*, đa số SV đã có nhận thức bước đầu về TDPB và KN TDPB; SV đã được trang bị các kiến thức về tư duy logic, đã có sự nhận biết các thao tác tư duy cần thực hiện khi bắt gặp vấn đề trong hoạt động học

tập, nghiên cứu khoa học.

*Hai là*, khi được trang bị các kiến thức về TDPB, KN TDPB và được hướng dẫn thực hành, đa số SV đã khá chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các thao tác tư duy phản biện để xem xét, đánh giá những vấn đề được đặt ra theo hướng cải thiện chúng.

*Ba là*, hầu hết SV đã thể hiện tốt các kỹ năng bước đầu trong tiến hành các thao tác KN TDPB như đặt câu hỏi thắc mắc, chất vấn lại vấn đề, quan sát, tìm minh chứng cho các câu hỏi mà mình đưa ra.

*Bốn là*, đa số SV đã biết sử dụng các thức logic để biện luận như lập luận, chứng minh, bác bỏ dù chưa thuần thục và chưa đầy đủ.

### 2.4.2. Hạn chế về KN TDPB của sinh viên

*Một là*, nhận thức số đông SV về TDPB, KN TDPB là chưa đầy đủ. Nhiều



SV chưa hiểu rõ bản chất, những dấu hiệu trong nội hàm của khái niệm TDPB và những yêu cầu của TDPB. Một số SV mới chỉ nghe đọc, nghe qua về khái niệm này mà chưa tìm hiểu về nó. Khi tiến hành phỏng vấn 10 bạn SV, về câu hỏi *hiểu biết thế nào về TDPB, mức độ thực hành các KN TDPB như thế nào*, các câu trả lời chủ yếu nói rằng “em chỉ mới nghe qua về TDPB, đọc được thông tin khá nhiều về các khóa học TDPB nhưng chưa bao giờ tìm hiểu sâu về nó”, hay “trên lớp nhiều khi em muốn hỏi hay trao đổi thật kỹ về vấn đề nào đó em còn thắc mắc, còn băn khoăn nhưng không có đủ thời gian”; thậm chí nhiều SV nói rằng “em không dám hỏi, ngại hỏi, ngại chất vấn giảng viên vì sợ sai, sợ bị đánh giá không tích cực, sợ bị ghét”, “ít hoặc không đặt câu hỏi, thường chấp nhận và tin vào những kiến thức mà GV truyền đạt, giáo trình, tài liệu viết”.

*Hai là*, mặc dù nhìn chung sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về các thao tác cần thực hiện của KN TDPB khi gặp các vấn đề trong hoạt động học tập như đặt câu hỏi thắc mắc lại, quan sát, tìm minh chứng, tìm lý lẽ và hình thức lập luận, đưa ra đánh giá, nhận định nhưng sinh viên chưa có thói quen chủ động tiến hành các thao tác KN TDPB. Hầu hết SV chưa có thói quen và kỹ năng nhìn nhận, đánh giá vấn đề một cách toàn diện từ nhiều cách tiếp cận để từ đó biết phân tích, đánh giá vấn đề và đưa ra được cách hiểu, quan điểm, chính kiến của mình hay có định hướng cải thiện vấn đề.

*Ba là*, còn nhiều sinh viên chưa nhận thức thật sự đầy đủ và sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của TDPB và KN TDPB đối với

hiệu quả đối với việc phát triển tư duy nói chung, KN tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo và giải quyết vấn đề hiệu quả nói riêng trong học tập, nghiên cứu khoa học cũng như trong quá trình đi làm, phát triển sự nghiệp bản thân sau khi tốt nghiệp đại học.

Nguyên nhân chính của những hạn chế trên, theo chúng tôi đó là: *Thứ nhất*, sinh viên chưa thực sự tích cực, chủ động trong học tập, tìm tòi, khám phá nói chung, trong phát triển tư duy phản biện nói riêng. *Thứ hai*, giáo viên chưa thực sự quan tâm đến việc phát triển KN TDPB cho SV trong giảng dạy, chưa sử dụng thường xuyên các phương pháp dạy học tích cực hướng vào việc phát triển KN TDPB cho SV.

### 3. KẾT LUẬN

Tư duy phản biện là hình thức tư duy hết sức quan trọng đối với SV trong học tập và nghiên cứu khoa học, giúp sinh viên thu nhận kiến thức ngày càng sâu rộng; hình thành và phát triển năng lực tư duy độc lập, sáng tạo; suy nghĩ một cách thấu đáo, đứng đắn trước những vấn đề được đặt ra; giảm thiểu được những sai lầm trong việc đưa ra kết luận và quyết định, nâng cao khả năng giải quyết vấn đề một cách tích cực, hiệu quả. Việc trang bị, rèn luyện và phát triển kỹ năng TDPB cho SV là hết sức cấp thiết hiện nay để nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo - nguồn nhân lực có trình độ cao này, nhất là các trường đại học hiện nay đang đứng trước yêu cầu cần phải đào tạo ra những công dân toàn cầu với đầy đủ các năng lực và phẩm chất chung.

SV Trường ĐHTT đã bước đầu có những nhận thức cơ bản về TDPB, KN TDPB; đã biết sử dụng các thao tác KN

TDPB trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học dù chưa thường xuyên và thuần thục. Nhiều SV có tư duy tốt, có ý thức tìm tòi, khám phá tri thức và có ý thức tự học, tự nghiên cứu. Về hạn chế, đa số SV cho biết mới chỉ nghe/đọc về cụm từ “tư duy phản biện” ở một vài lần nhưng chưa hiểu nội hàm của thuật ngữ này. SV còn có sự nhầm lẫn giữa tranh luận nhằm bảo vệ ý kiến bản thân và KN TDPB. Hầu hết SV

chưa nhận thức được đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của các *chuẩn trí tuệ* để làm cơ sở cho việc hình thành và phát triển KN TDPB.

Thực trạng trên cho thấy cần thiết phải có những giải pháp hiệu quả để phát triển KN TDPB cho SV một cách phù hợp. Trường ĐHHT trong thời gian tới cần có chiến lược đào tạo đột phá trong nhiều mặt của quy trình giáo dục và đào tạo để hình thành và phát triển TDPB cho người học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Vũ Thu Hằng (2018), *Giáo dục tư duy phê phán cho học sinh để nâng cao hiệu quả giáo dục phổ thông*, Tạp chí khoa học ĐHQG Hà Nội: Nghiên cứu giáo dục, tập 34, số 1.
- [2] Nguyễn Thị Hòa (2017), *Bàn về tư duy phản biện trong giáo dục đại học*, Tạp chí khoa học, Đại học Đồng Nai, số 05.
- [3] Đinh Ngọc Hạnh (2014), *Một số vấn đề lý luận về tư duy phản biện trong giáo dục đào tạo*, Tạp chí Khoa học Cảnh sát nhân dân, số 3, quý 1.
- [4] Beyer, B. K. (1995). *Critical thinking*. Bloomington, IN: Phi Kappa Delta Educational Foundation.
- [5] Nguyễn Thị Giang, Phạm Xuân Quang, Dương Hồng Thắm (2017), *Thực trạng kỹ năng tư duy phản biện trong hoạt động học tập của sinh viên khóa 8, khoa giáo dục, học viện quản lý giáo dục*, Journal of Education Management, Vol, 9, No.9
- [6] Vũ Văn An, Bùi Ngọc Quân (2017), *Rèn luyện khả năng tư duy phản biện cho sinh viên trong quá trình dạy học bậc đại học*, Tạp chí khoa học: Khoa học Giáo dục, Trường ĐHSPTP Hồ Chí Minh, tập 14, số 7.

### ***Liên hệ:***

**ThS. Trần Nguyên Hòa**

Trường Đại học Hà Tĩnh

Địa chỉ: Xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

Email: hao.trannguyen@htu.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/4/2023

Ngày gửi phản biện: 17/4/2023

Ngày duyệt đăng: 01/8/2023